

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N B
TỈNH N B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2020/HS -ST
Ngày: 18-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N B, TỈNH N B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Văn Tú

+ Bà Đồng Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Thị Huê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2020/TLST- HS ngày 03 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Tuyết M** (Tên gọi khác: không), sinh năm 1983; Nơi ở và nơi ĐKKHKT: phố Thượng Lân, phường N S, thành phố N B, tỉnh N B; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên bố: tại phiên tòa bị cáo khai không xác định được bố; Họ và tên mẹ: Trần Thị S, sinh năm 1963; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chồng: Nguyễn Đức Nh, sinh năm 1982; bị cáo có hai con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/7/2019 đến ngày 03/8/2019 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N B. Đến ngày 09/09/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay (Có mặt tại phiên tòa)

1. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- anh Đào Minh H, sinh năm 1978 ở thôn 4 xã T Th huyện L H tỉnh L Đ; trú tại : thôn Thượng Nam xã N Nh thành phố N B tỉnh N B (vắng mặt).

- chị Phạm Thị H, sinh năm 1981; Nơi ở: số nhà 1119, đường Trần Hưng Đ, phố 14, phường V Gi, thành phố N B, tỉnh N B (vắng mặt).

- anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1983; trú tại: phố Phong Đoài, phường N Ph, thành phố N B, tỉnh N B (vắng mặt).

- anh Mai Đức Th, sinh năm 1988; trú tại: số 02, ngõ 47, đường Kim Đồng, phường Ph Th, thành phố N B, tỉnh N B (vắng mặt).

- anh Hoàng Văn H, sinh năm 1980; trú tại : phố Phúc Chính 1, đường T Th, phường N Th, thành phố N B, tỉnh N B (vắng mặt).

- anh Nguyễn Đức Nh, sinh năm 1982; trú tại: phố Th L, phường N S, thành phố N B, tỉnh N B (có mặt).

- chị Hoàng Thị Ph, sinh năm 1975; trú tại : phố Phúc Chính 1, phường N Th, thành phố N B, tỉnh N B (vắng mặt)

- anh Phan Hải Đ, sinh năm 1984 ; trú tại: số nhà 50 đường Bùi Thị X, phường N B, thành phố N B, tỉnh N B (vắng mặt).

- chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: phố 1, phường Vân G, thành phố N B, tỉnh N B (vắng mặt).

2. Người làm chứng:

- anh Phạm Đức T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

- anh Vũ Đình Q, sinh năm 1978 (vắng mặt)

- anh Lê Quý L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Tuyết M là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng M đã vay tiền của bà Nguyễn Thị L sinh năm 1960 trú tại đường 8, phố 8 phường V Gi, thành phố N B kết hợp với tiền của gia đình mình để cho người khác vay lại với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Những người đến vay tiền của M đều thỏa thuận bằng miệng với mức lãi suất là: 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định là 20%/1 năm tương đương 547,9 đồng/1.000.000/01 ngày), 5.000

đồng/1 triệu/1 ngày (gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định) hoặc 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày (gấp 12,7 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Khi người vay đồng ý thì M đưa cho họ 01 giấy vay tiền đã soạn sẵn đồng thời hướng dẫn người vay tự điền các nội dung trong giấy vay và kí tên xác nhận phía dưới. Để trốn tránh việc bị cơ quan pháp luật phát hiện và xử lý về hành vi cho vay lãi nặng, trong các giấy vay tiền đều thể hiện mức lãi suất là 0% và giấy vay tiền chỉ lập thành 01 bản do M giữ. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 5/2019, Trần Thị Tuyết M đã cho 05 người vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể như sau:

Ngày 12/11/2018, Trần Thị Tuyết M cho anh Nguyễn Thành Ch sinh năm 1982 trú tại xã N Nh, thành phố N B vay 40.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày, thống nhất trả lãi vào ngày 12 hàng tháng. Tính đến ngày 12/2/2019 số tiền lãi M đã thu của anh Ch là: 92 ngày x 5.000 đồng x 40 = 18.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá 547,9 đồng x 92 ngày x 40 = 2.016.272 đồng, M đã thu lợi bất chính số tiền 16.383.728 đồng.

Đến ngày 12/2/2019 anh Ch tiếp tục vay của M số tiền 17.000.000 đồng. Tổng số tiền M cho anh Ch vay là 57.000.000 đồng, hai bên thống nhất mức lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày và trả lãi vào ngày 12 hàng tháng. Tính đến ngày 12/5/2019 số tiền lãi M thu của anh Ch là: 89 ngày x 5.000 đồng x 57 = 25.365.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá 547,9 đồng x 89 ngày x 57 = 2.779.496 đồng, M thu lợi bất chính số tiền 22.585.504 đồng. Mai và anh Ch thống nhất từ ngày 13/5/2019 sẽ tính lãi với mức lãi suất là 3000 đồng/1.000.000/ngày nhưng sau đó anh Ch không có khả năng trả lãi nên từ 13/5/2019 M chưa thu được tiền lãi. Tính đến ngày 31/7/2019 số tiền lãi anh Ch còn phải thanh toán cho M là 80 ngày x 3.000 x 57 = 13.680.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá 547,9 đồng x 80 ngày x 57 = 2.498.424 đồng, M thu lợi bất chính số tiền 11.181.576 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi M đã thu lợi bất chính từ anh Ch là 50.150.808 đồng. Đến nay, anh Ch chưa trả cho M số tiền nợ gốc.

Ngày 18/4/2019, Trần Thị Tuyết M cho anh Mai Đức Th sinh năm 1988, trú tại số nhà 02 ngõ 47 đường Kim Đồng, phường Ph Th, thành phố N B vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Đến ngày

30/4/2019 số tiền lãi M đã thu của anh Th là $12 \text{ ngày} \times 5.000 \times 10 = 600.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} \times 10 = 65.748$ đồng, M thu lời bất chính số tiền 534.252 đồng. Cũng ngày 30/4/2019 anh Th tiếp tục vay của M số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền M cho anh Th vay là 20.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 18/5/2019 số tiền lãi M thu của anh Th là $18 \text{ ngày} \times 5.000 \times 20 = 1.800.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 18 \text{ ngày} \times 20 = 197.244$ đồng, M thu lời bất chính số tiền 1.602.756 đồng. Cũng ngày 18/5/2019 anh Th tiếp tục vay của M số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền M cho anh Th vay là 30.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 18/7/2019 số tiền lãi M thu của anh Th là $60 \text{ ngày} \times 5.000 \times 30 = 9.000.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 60 \text{ ngày} \times 30 = 986.220$ đồng, M thu lời bất chính số tiền 8.013.780 đồng. Cũng trong ngày 18/7/2019 anh Th đã trả cho M số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, còn nợ gốc là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/7/2019 anh Th còn phải thanh toán cho M số tiền lãi là $13 \text{ ngày} \times 5.000 \times 10 = 650.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 13 \text{ ngày} \times 10 = 71.227$ đồng, M thu lời bất chính số tiền 578.773 đồng. Đến nay, anh Th đã trả hết cho M số tiền nợ gốc và nợ lãi nói trên.

Như vậy tổng số tiền lãi M đã thu lời bất chính từ anh Th là 10.729.561 đồng.

Ngày 20/4/2019, Trần Thị Tuyết M cho anh Phạm Anh T sinh năm 1985, trú tại số nhà 76 ngõ 190 đường Trần Phú, phố Ph Ch 1, phường N Th, thành phố N B vay số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Hai bên thỏa thuận một tháng tính lãi là 30 ngày, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng. Đến ngày 20/7/2019 M đã thu tiền lãi của anh T là $90 \text{ ngày} \times 5.000 \times 20 = 9.000.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} \times 20 = 986.220$ đồng, M thu lợi bất chính số tiền 8.013.780 đồng. Tính đến ngày 31/7/2019 anh T còn phải thanh toán cho M số tiền lãi là $10 \times 5.000 \times 20 = 1.000.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 10 \text{ ngày} \times 10 = 54.790$ đồng, M thu lời bất chính số tiền 945.210 đồng.

Như vậy tổng số tiền lãi M thu lời bất chính từ anh Phạm Anh T là 8.958.990 đồng.

Ngày 12/5/2019, Trần Thị Tuyết M cho anh Nguyễn Minh T sinh năm 1983, trú tại số nhà 05 phố Phong Đoài, phường N Ph, thành phố N B vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng trả lãi một lần, mỗi lần T trả lãi 2.000.000 đồng, số tiền còn thừa sẽ chuyển vào tiền lãi của tháng sau. Đến ngày 17/7/2019 anh T đã trả cho M 03 lần tiền lãi với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Như vậy tính đến ngày 31/7/2019 M đã thu tiền lãi của anh T là $80 \text{ ngày} \times 5.000 \times 10 = 4.000.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 80 \text{ ngày} \times 10 = 438.320$ đồng, M thu lợi bất chính số tiền 3.561.680 đồng.

Từ ngày 08/4/2019 đến ngày 24/5/2019 Trần Thị Tuyết M cho chị Phạm Thị H sinh năm 1981, trú tại số nhà 1119 đường Trần Hưng Đạo, phố 14 phường V G, thành phố N B vay 06 lần với tổng số tiền 280.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày và 7.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Cụ thể:

Lần thứ nhất: ngày 8/4/2019 M cho chị H vay số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Đến ngày 26/7/2019 số tiền lãi M thu của chị H là $109 \text{ ngày} \times 5.000 \times 50 = 27.250.000.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 109 \text{ ngày} \times 50 = 2.986.055$ đồng, M thu lợi bất chính số tiền 24.263.945 đồng.

Lần thứ hai: ngày 12/4/2019 M cho chị H vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Đến ngày 31/7/2019 số tiền lãi M thu của chị H là $110 \text{ ngày} \times 5.000 \times 30 = 16.500.000.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 110 \text{ ngày} \times 30 = 1.808.070$ đồng, M thu lợi bất chính số tiền 14.691.930 đồng.

Lần thứ ba: ngày 24/4/2019 M cho chị H vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Đến ngày 30/7/2019 số tiền lãi M thu của chị H là $97 \text{ ngày} \times 5.000 \times 30 = 14.550.000.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 97 \text{ ngày} \times 30 = 1.594.389$ đồng, M thu lợi bất chính số tiền 12.955.611 đồng.

Lần thứ tư: ngày 04/5/2019 M cho chị H vay số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Đến ngày 31/7/2019 số tiền lãi M thu của chị H là $88 \text{ ngày} \times 5.000 \times 50 = 22.000.000.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 88 \text{ ngày} \times 50 = 2.410.760$ đồng, M thu lợi bất chính số tiền 19.589.240 đồng.

Lần thứ năm: ngày 22/5/2019 M cho chị H vay số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày, M yêu cầu chị H viết giấy biên nhận và để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị H, địa chỉ thửa đất tại xã Y Kh, huyện Ý Y, tỉnh Đ để làm tin. Đến ngày 30/7/2019 số tiền lãi M thu của chị H là $69 \text{ ngày} \times 5.000 \times 100 = 34.500.000$ đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 69 \text{ ngày} \times 100 = 3.780.510$ đồng, M thu lợi bất chính số tiền 30.719.490 đồng.

Lần thứ sáu: ngày 24/5/2019 M cho chị H vay số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 7.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Đến ngày 12/7/2019 số tiền lãi M thu của chị H là $49 \text{ ngày} \times 7.000 \times 20 = 6.860.000$ đồng. Từ ngày 13/7/2019 M giảm mức lãi suất xuống còn 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày nên số tiền lãi M thu của chị H từ ngày 13/7/2019 đến ngày 31/7/2019 là $19 \text{ ngày} \times 5.000 \times 20 = 1.900.000$ đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là không quá $547,9 \text{ đồng} \times 68 \text{ ngày} \times 20 = 745.144$ đồng, M thu lợi bất chính số tiền 8.014.856 đồng.

Tổng số tiền lãi M thu lợi bất chính từ chị H là 110.235.072 đồng. Đến nay chị H đã trả cho M toàn bộ số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền Trần Thị Tuyết M cho anh Nguyễn Thành Ch, anh Mai Đức Th, anh Phạm Anh T, anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị H vay là 397.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 183.636.111 đồng.

Từ khoảng giữa tháng 6 năm 2019 do chị H không có khả năng thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận nên nhiều lần xin M cho khất nợ. Đến ngày 30/7/2019 M chốt các khoản lãi chị H chưa thanh toán là 37.600.000 đồng và yêu cầu đến ngày 31/7/2019 H phải trả toàn bộ số tiền nợ lãi và tiền nợ gốc. Khoảng 15 giờ ngày 31/7/2019 chị Phạm Thị H vay của anh Vũ Đình Q sinh năm 1978 trú tại thôn Vĩ Khê, xã Đình X, huyện N Tr, tỉnh N Đ số tiền 40.000.000 đồng và rủ anh Q cùng đi đến quán cà phê Lu's Bar ở phố 4 phường Đ Th, thành phố N B gặp M để trả lãi. Còn M nhờ anh Đào Minh H sinh năm 1990 trú tại thôn 4 xã Tân Thanh, huyện L H, tỉnh L Đ (hiện đang tạm trú tại xã N Nh, thành phố N B) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave S biển kiểm soát 35H1-9433 chở đến chỗ hẹn với chị H. Đến nơi cả bốn người cùng ngồi uống nước tại tầng hai của quán cà phê, M và chị H chốt nợ lãi và nợ gốc với nhau. Hai người thống nhất H sẽ đưa cho M số tiền 38.000.000 đồng để trả khoản nợ lãi còn thiếu là 37.600.000 đồng, còn thừa 400.000 đồng sẽ trừ vào nợ gốc H sẽ thanh toán vào ngày 03/8/2019. M đồng ý và viết giấy biên

nhận. Khi chị H vừa đưa cho M số tiền 40.000.000 đồng bảo M đếm lấy 38.000.000 đồng thì bị tổ công tác của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh N B phát hiện bắt quả tang. Thu giữ của Trần Thị Tuyết M số tiền 45.460.000 đồng (trong đó có 40.000.000 đồng là tiền chị Hạnh vừa đưa), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max, 01 thẻ căn cước mang tên Trần Thị Tuyết M, 02 quyển sổ, 04 giấy mượn tiền, 02 giấy biên nhận. Thu giữ của chị Phạm Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo. Thu giữ của anh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S biển kiểm soát 35H1- 9433 và số tiền 17.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra vụ án, gia đình Trần Thị Tuyết M đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 186.000.000 đồng.

Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 31/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tỉnh Ninh Bình đã truy tố Trần Thị Tuyết M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Thị Tuyết M đủ yếu tố cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trần Thị Tuyết M từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng .

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*) Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

-Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max thu giữ của Trần Thị Tuyết M.

- Buộc bị cáo Trần Thị Tuyết M phải trả lại cho anh Nguyễn Thành Ch số tiền 38.969.232 đồng; trả lại cho anh Mai Đức Th số tiền **10.800.788 đồng**; trả lại cho anh Phạm Anh T số tiền 8.958.990 đồng; trả lại cho anh Nguyễn Minh T số tiền 3.561.680 đồng; trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền 72.635.072 đồng.

Đối với số tiền 186.000.000 đồng bị cáo M tự nguyện giao nộp là tiền thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nói trên, cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu của bị cáo Trần Thị Tuyết M số tiền 397.000.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 23.387.658 đồng là tiền lãi do phạm tội mà có.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H sinh năm 1979 trú tại phố 1, phường V G, thành phố N B số tiền 5.460.000 đồng;

- Trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền 40.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO;

- Trả lại cho anh Đào Minh H số tiền 17.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6.

- Trả lại cho anh Nguyễn Đức Nh 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S BKS 35H1-9433.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Tuyết M 01 thẻ căn cước công dân.

*) Về án phí: áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14: Bị cáo phải chịu án phí HSST 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tuyết M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/11/2018 đến ngày 24/5/2019 bị cáo đã cho anh Nguyễn Thành Ch, anh Mai Đức Th, anh Phạm Anh T, anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị H vay tổng số tiền 397.000.000 đồng. Mai tính lãi suất đối với từng lần vay là 3.000đ/1 triệu/1 ngày, gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định; 5.000đ/1 triệu/1 ngày, gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định; 7.000 đ/1 triệu/1 ngày, gấp 12,7 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định. Bị cáo đã thu lợi bất chính là 183.636.111 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm tra điện thoại (BL 146 - 151), lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Do vậy khẳng định hành vi của bị cáo Trần Thị Tuyết M trong giao dịch dân sự đã cho vay 14 lần đối với 05 người với lãi xuất gấp 05 lần trở lên của mức lãi xuất cao nhất theo quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm tương ứng với 547,9 đồng/1.000.000/01 ngày; bị cáo đã thu lợi bất chính tổng số tiền các lần cho vay là 183.636.111 đồng là phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tuy nhiên, qua xem xét tổng số tiền 183.636.111 đồng bị cáo thu lợi bất chính thì thấy : Tổng số tiền này là tiền bị cáo thu lợi từ việc cho 05 người vay là các anh Nguyễn Thành Ch, anh Mai Đức Th, anh Phạm Anh T, anh Nguyễn Anh T và chị Phạm Thị H. Sau khi những người vay trả lãi cho bị cáo và trừ khoản lãi xuất theo quy định của pháp luật số tiền còn lại bị cáo được hưởng lợi. Tuy nhiên, đối với khoản vay của anh Nguyễn Thành Ch, anh Ch mới trả lãi cho bị cáo Mai đến thời điểm ngày 11/5/2019, đến ngày 12/5/2019 thì bị cáo giảm lãi cho anh Ch xuống còn 3000/1.000.000/01 ngày, nhưng anh Ch chưa trả khoản lãi nào cho bị cáo từ thời điểm này đến khi bị cáo bị bắt. Bị cáo Trần Thị Tuyết M cũng thừa nhận việc này, do vậy bị cáo M chưa thu được khoản tiền lãi tính từ thời điểm ngày 12/5/2019 đến ngày 31/7/2019. Nên cần trừ số tiền bị cáo chưa được hưởng lợi từ thời điểm này đối với khoản vay của anh Chung là 11.181.576 đồng cho bị cáo. Do không tính khoản tiền thu lợi bất chính chưa thu được của anh Chung nên bị cáo được trừ khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với khoản thu lãi thời điểm từ 12/5/2019 đến 31/7/2019 là 2.498.424 đồng.

Đối với khoản tiền vay bị cáo Mai 20 triệu đồng của anh Phạm Anh T, anh T đã trả M số tiền lãi đến ngày 20/7/2019, bị cáo M chưa thu được khoản lãi của anh T từ ngày 21/7/2019 đến ngày 31/7/ 2019 nên cũng không tính cho bị cáo số tiền thu lợi bất chính của thời gian này là 945.210 đồng và cũng không buộc bị cáo nộp lại số tiền 54.790 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản vay của chị Phạm Thị H: Bị cáo cho chị H vay 06 lần với tổng số tiền là 280 triệu đồng. Các lần chị H trả lãi đều được tính theo tháng là 30

ngày, nếu không trả đúng ngày sẽ cộng dồn vào với lãi của tháng tiếp theo. Tính đến ngày 31/7/2019 thì số tiền bị cáo thu lời của chị H (nếu chị H nộp đủ) là 110.235.072 đồng. Tuy nhiên, từ giữa tháng 6/2019 chị H không có khả năng trả lãi nên bị cáo đã chốt các khoản lãi chị H chưa thanh toán là 37.600.000 đồng và yêu cầu chị H thanh toán vào ngày 31/7/2019. Khi chị H và bị cáo M gặp nhau để thanh toán khoản lãi này thì bị Công an phát hiện, thu giữ số tiền 40.000.000 đồng của chị H định nộp lãi cho Trần Thị Tuyết M. Hội đồng xét xử, thấy: bị cáo M chưa thu được khoản tiền 37.600.000 đồng tiền lãi của khoản tiền 280 triệu đồng bị cáo cho chị H vay và số tiền này được trả lại cho chị H. Do vậy, cần trừ đi số tiền bị cáo thu lời bất chính đối với khoản vay của chị H là 37.600.000 đồng. Số tiền này, theo bị cáo khai là khoản tiền lãi khi chị H chưa trả lãi của các khoản vay, thì cộng dồn lại và chốt yêu cầu chị H trả lãi vào ngày 31/7/2019; do vậy đối với số tiền lãi này thì số tiền lãi theo quy định của pháp luật cũng đã được tính trừ cho bị cáo bằng các lần trả lãi của chị Phạm Thị H, nên không được trừ tiếp.

Do số tiền bị cáo thu lời bất chính của anh Nguyễn Thành Ch, anh Phạm Anh T, chị Phạm Thị H được xác định lại nên số tiền bị cáo Trần Thị T M thu lời bất chính của những người vay sẽ là: **133.909.325 đồng** và số tiền lãi theo quy định của pháp luật là **20.865.675 đồng**.

[3] Đánh giá tính chất hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Tuyết M là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu mức lãi quá cao. Do vậy, để giữ nghiêm kỷ cương phép nước, có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung thì việc đưa ra xét xử buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi phạm tội của mình là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét áp dụng điểm s khoản 1

điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị bắt quả tang khi đang thực hiện việc giao nhận tiền lãi với chị Phạm Thị H. Tuy nhiên khi làm việc với cơ quan điều tra, bị cáo đã tự khai báo các lần cho vay lãi nặng trước đó với những người khác và tự giao nộp 02 quyển sổ bị cáo ghi chép những người vay nợ cho cơ quan điều tra. Do vậy, cần áp dụng tình tiết tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo đã nộp số tiền 186 triệu đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy, việc áp dụng hình phạt tiền với mức tương xứng đối với bị cáo cũng đủ tính chất răn đe và giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định tổng cộng khoản tiền bị cáo Trần Thị Tuyết M cho vay (tiền gốc) là 397.000.000 đồng được xác định là phương tiện phạm tội. Số tiền lãi 20.865.675 đồng tương ứng với mức lãi xuất 20%/năm, tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Do đó, cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

[5.2] Đối với số tiền 133.909.325 đồng bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay, theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì “ *Trường hợp lãi xuất theo thỏa thuận vượt quá lãi xuất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi xuất vượt quá không có hiệu lực*”. Do đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất trên 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo Trần Thị Tuyết M thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay tiền. Cụ thể là các anh Nguyễn Thành Ch, anh Mai Đức Th, anh Phạm Anh T, anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị H.

[5.3] Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone Xs max bị cáo dùng để liên lạc gọi điện, nhắn tin thông báo tiền lãi, thời hạn trả nợ, là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 45.460.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo, trong đó có 40.000.000 đồng là số tiền chị Phạm Thị H trả lãi cho bị cáo, bị cáo chưa nhận và số tiền thu lời bất chính của bị cáo đối với khoản tiền này đã được trừ cho bị cáo nên cần trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền 40.000.000 đồng;

số tiền còn lại là 5.460.000 đồng bị cáo khai là tiền của chị Nguyễn Thị H (chị chồng bị cáo) nhờ đem trả lãi Ngân hàng còn thừa lại; lời khai tại cơ quan điều tra, chị Hiền cũng thừa nhận việc này. Xét thấy, số tiền này không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho chị Nguyễn Thị H. Đối với số tiền 186.000.000 đồng gia đình bị cáo Mai nộp cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 17.000.000 đồng thu giữ của anh Đào Minh H, anh H khai là tiền lương của anh dành dụm, không liên quan đến chị M hay ai khác; chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, anh sử dụng để thường xuyên liên lạc, anh không liên lạc gì đến việc cho vay lãi với bị cáo M, anh chỉ nghe cuộc gọi của anh Nh nhờ đến đưa M đi lấy tiền. Do vậy, số tiền 17.000.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Iphone 6 thu giữ của anh Đào Minh H không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho anh H.

Riêng chiếc xe moto nhãn hiệu Wave S biển kiểm soát 35H1- 9433 thu giữ của anh Đào Minh H, quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của anh Nguyễn Đức Nh cho anh H mượn làm phương tiện đi lại, không đưa giấy tờ xe, khi anh Nh nhờ H chở M đi lấy tiền, anh H không biết việc bị cáo M đi lấy tiền gì nên không xác định chiếc xe là phương tiện phạm tội. Vì vậy, trả lại chiếc xe máy này cho anh Nguyễn Đức Nh- là chủ sở hữu của chiếc xe.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu của chị Phạm Thị H, là điện thoại chị H dùng để liên lạc, trong đó có các cuộc gọi, trao đổi tin nhắn với bị cáo Trần Thị Tuyết M về việc thanh toán tiền lãi vào ngày 31/7/2019, xét thấy chiếc điện thoại này không liên quan đến việc bị cáo M cho vay tiền lãi nên trả lại chiếc điện thoại này cho chị Phạm Thị H.

- Trả lại cho bị cáo 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Thị Tuyết M.

[5.4] Đối với 02 quyển sổ, 04 giấy mượn tiền, 02 giấy biên nhận, thu giữ của bị cáo Trần Thị Tuyết M, cơ quan điều tra đã chuyển theo hồ sơ vụ án.

[6] Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tuyết M khai nhận cho anh Hoàng Văn H sinh năm 1980 trú tại phố Phúc Chính 1 đường Tây Thành, phường N Th vay số tiền 60.000.000 đồng, cho anh Phan Hải Đ sinh năm 1984, trú tại số nhà 50 Bùi Thị Xuân, phường N B, thành phố N B vay 15.000.000 đồng nhưng không có lãi suất và không nhớ cụ thể ngày vay, việc vay mượn không có ai khác biết. Còn anh H khai nhận việc vay tiền của M là không có lãi suất, anh Đ

không thừa nhận việc vay nợ như lời khai của M. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với Trần Thị Tuyết M về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với hai người này.

Quá trình điều tra xác định ngoài cho những người nói trên vay tiền, Trần Thị Tuyết M còn cho nhiều người khác vay tiền với mức lãi suất cao nhưng Mai khai không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc qua điện thoại. Cơ quan điều tra đã tra cứu thông tin thuê bao các số điện thoại này và tiến hành triệu tập để làm rõ nhưng họ đều không có mặt ở địa phương. Do vậy Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Đức Nh là chồng của bị cáo Trần Thị Tuyết M. Quá trình điều tra xác định anh Nh không biết việc Trần Thị Tuyết M cho những ai vay tiền, lãi suất là bao nhiêu nên không có căn cứ để xử lý anh Nh về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với bà Nguyễn Thị L sinh năm 1960 trú tại đường 8, phố 8 phường Vân Giang, thành phố N B là người cho Trần Thị Tuyết M vay 200.000.000 đồng nhưng không tính lãi suất. Bà L không biết mục đích Mai vay tiền để cho người khác vay lại với lãi suất cao nên không vi phạm.

Đối với anh Đào Minh H là người đã chở M đi thu tiền lãi của chị Phạm Thị H vào ngày 31/7/2019 nhưng anh H không biết cụ thể việc Mai cho ai vay tiền, với mức lãi suất là bao nhiêu nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với anh H.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 các Điều 135, 136, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuyết M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt: Trần Thị Tuyết M 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Buộc bị cáo Trần Thị Tuyết M phải nộp lại số tiền **417.865.675** đồng (Bốn trăm mười bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2.2. Buộc bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo đã thu lời bất chính cho những người vay với tổng số tiền là **133.909.325** đồng (một trăm ba ba triệu chín trăm linh chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng). Cụ thể:

- Trả cho anh Nguyễn Thành Ch số tiền 38.969.232 đồng (Ba tám triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

- Trả cho anh Mai Đức Th số tiền 10.729.561 đồng (Mười triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi một đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Minh T số tiền 3.561.680 đồng (Ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

- Trả cho anh Phạm Anh T số tiền 8.013.780 đồng (Tám triệu không trăm mười ba nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

- Trả cho chị Phạm Thị H số tiền 72.635.072 đồng (Bảy mươi hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi hai đồng).

2.3. Quản lý số tiền 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án (Số tiền hiện gửi tại tài khoản chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình theo ủy nhiệm chi ngày 05/02/2020)

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại Iphone Xs max của bị cáo Trần Thị Tuyết M (Chi tiết chiếc điện thoại theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N B và Chi cục thi hành án dân sự thành phố N B).

2.4. Trả lại tiền, vật và các tài sản không liên quan đến vụ án, bao gồm:

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S Biển kiểm soát 35H1- 9433 cho anh Nguyễn Đức Nh;

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo và số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) cho chị Phạm Thị H;

- Trả lại 01 (một) căn cước công dân cho bị cáo Trần Thị Tuyết M.

- Trả lại số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 cho anh Đào Minh H.

- Trả lại số tiền 5.460.000 đồng (năm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị H.

(Số tiền trên hiện gửi tại tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố N B theo ủy nhiệm chi ngày 14/02/2020 của Công an tỉnh N B) (Chi tiết điện thoại, xe máy và thẻ căn cước theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2020 giữa cơ quan điều tra Công an thành phố N B và Chi cục thi hành án dân sự thành phố N B).

3. Án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Tuyết M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N B;
- VKSND TP. N B;
- CA TP N B;
- THADS TP. N B;
- Sở tư pháp tỉnh N B;
- Bị cáo; Người có quyền lợi và NV liên quan;
- UBND phường N S, TP N B;
- Lưu VP, HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Phương